

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

2. Ông Bùi Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phan Thị H**, sinh năm 1997;

ĐKHKTT: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Gia T** – sinh năm 1993;

ĐKHKTT: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Gia T – sinh năm 1965 (là bố đẻ anh T);

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh T, ông T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Phan Thị H trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Gia T tự nguyện kết hôn đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Châu (nay là xã Minh Phú), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 03/7/2018. Sau khi kết hôn,

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Sau đó, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Gia T.

Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Gia T có một con chung là Nguyễn Thị Diệu H - sinh ngày 15/5/2018. Từ khi anh T đi xuất khẩu lao động nước ngoài, chị H là người trực tiếp nuôi con. Ly hôn, chị H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2022 của Tòa án với ông Nguyễn Gia T là bố đẻ anh T trình bày:*

Chị H và anh T có quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, do anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định về hôn nhân và tài sản chung của mình. Cháu Nguyễn Thị Diệu H - sinh ngày 15/5/2018 là con chung của anh T, chị H, vợ chồng ông bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, ông bà không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông cam đoan sẽ giao nộp cho Tòa án văn bản anh T ủy quyền cho ông bà nuôi con H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T, xử giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Gia T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào Văn bản số 12000/QLXNC-P5 ngày 10/6/2022 của Cục xuất nhập cảnh, Bộ công an xác định anh T hiện đã xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam và chưa nhập cảnh về nước, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND xã Minh Phú, Cục xuất nhập cảnh Bộ công an về việc anh T đã xuất cảnh nên theo quy định tại Điều 21

Bộ luật tố tụng dân sự Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Gia T là bố đẻ anh T trình bày anh T biết chị H xin ly hôn anh, ông đã thông báo cho anh T các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vẫn liên lạc về gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia đình được biết và nay anh T vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Vì vậy Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật về trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Nguyên đơn chị Phan Thị H có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy, chị H, anh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2019 đến nay chưa về nước. Anh T đã biết việc chị H xin ly hôn do ông T thông báo nhưng anh T không về Việt Nam để làm việc với Tòa án và cũng không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H, anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có một con chung là Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 15/5/2018. Ông T trình bày vợ chồng ông bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, ông không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông cam đoan sẽ giao nộp cho Tòa án văn bản anh T ủy quyền cho ông bà nuôi con H trong thời hạn đã cam kết. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh T về vấn đề con chung hoặc ủy quyền cho ông bà nội nhận nuôi con chung. Xét thấy, anh T không có mặt tại Việt Nam, chị H hiện đang sinh sống tại tỉnh Thái Bình, là người trực tiếp nuôi con, nay chị trình bày đủ điều kiện chăm sóc cho con. Do đó cần xử giao con chung Nguyễn Thị Diệu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Gia T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Thị Diệu H - sinh ngày 15/5/2018 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung. Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Anh T có quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005357 ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Đường sự;
- UBND xã Minh Phú, H. Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng

